TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55 /2018/HNGD-ST
Ngày 22/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn do mâu thuẩn gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Tùng

2. Ông Trương Văn Hải

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Văn Hạnh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về *"tranh chấp ly hôn do mâu thuẩn gia đình",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Ông Phạm Đình T, sinh năm 1953

Nơi cư trú: Xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

2. Bị đơn*:* Bà Trần Thị X, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

(Ông T có mặt, bà X vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Phạm Đình T trình bày tại Đơn khởi kiện ngày 22/8/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng:

Ông và bà Trần Thị X tự quen biết tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào tháng 11/1978 (dl), có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hậu Giang cũ ngày 30/11/1981.

Ông và bà X sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng sống chung không phù hợp trong cách sống cũng như trong công việc làm ăn, từ đó dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù, sống chung một nhà nhưng giữ ông và bà X không duy trì sinh hoạt vợ chồng, không ăn uống. Tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, sống không hạnh phúc, có lần tôi bệnh phải nằm Trạm xá nhưng bà X cũng không quan tâm, chăm sóc cho ông. Ông chấp nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc đã hơn 18 năm, nhận không thể tiếp tục sống chung nên quyết định làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để trả tự do cho mỗi bên.

Về con chung: Thời gian chung sống, ông và bà X có với nhau ba người con chung tên Phạm Trọng T, sinh năm 1979, Phạm Trọng N, sinh năm 1989 và Phạm Trần L, sinh năm 1995 (mất năm 1999). Hiện nay anh T và anh N đã trưởng thành, có công việc ổn định và đã có gia đình riêng nên khi ly hôn ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn bà Trần Thị X vắng mặt tại phiên tòa (có yêu cầu xét xử vắng mặt), nhưng bà có lời khai trong quá trình tố tụng như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Đình T tự quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, thời gian tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn như ông Ttrình bày đúng.

Còn nguyên nhân mâu thuẫn như ông T trình bày không đúng, vợ chồng bà sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến ngày hôm nay và không có mâu thuẫn gì. Nay ông T xin ly hôn bà không đồng ý, vì bà cho rằng: ông bà đã lớn tuổi nên bà không mong muốn việc ly hôn phải xảy ra.

Về con chung: Bà thống nhất như trình bày của ông T, trường hợp phải ly hôn thì bà cũng không yêu cầu giải quyết gì về con chung, vì các con của bà và ông T đã trưởng thành, có công việc ổn định và có gia đình riêng.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Trường hợp phải ly hôn bà Xcũng không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Đình T vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đồng thời, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Đình T và bà Trần Thị X chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện N, tỉnh Hậu Giang cũ vào ngày 30/11/1981 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Đến khoảng năm 2000 thì giữa ông T và bà X phát sinh mâu thuẫn, ông T có đơn xin ly hôn nên xem xét giải quyết theo thủ tục chung. Quá trrnh tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm của ông T và bà X, nhưng ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, bà X không đồng ý, do đó Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Trong quá trình tố tụng, bà X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà X.

[2] Nhận thấy, giữa ông T và bà X đã có thời gian mâu thuẫn kéo dài, mặc dù, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà bỏ qua mâu thuẫn để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ông T không đồng ý, cương quyết xin được ly hôn. Quá trình tố tụng, ông Tcho rằng do tính tình không phù hợp, bà X không quan tâm chăm sóc đối với ông khi ông bị bệnh phải điều trị tại

trạm xá nhiều ngày. Bà Xcòn ngăn cản việc ông được người khác giúp đở ông trong lúc gặp khó khăn.

[3] Mặc dù, ông và bà X sống chung tại căn nhà ở xã T, huyện V nhưng không ai quan tâm đến ai, không duy trì sinh hoạt vợ chồng, việc ăn uống tự mỗi người lo lấy, việc này đã kéo dài trong nhiều năm. Từ đó, giữa hai người không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau. Còn bà X cho rằng, giữa bà và ông T thì không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, giữa ông T và bà X không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mâu thuẫn giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông T được ly hôn với bà X là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] Về con: Ông T và bà X có ba người con chung tên Phạm Trọng T, sinh năm 1979, Phạm Trọng N, sinh năm 1989 và Phạm Trần L, sinh năm 1995 (chết năm 1999), hiện nay anh T và anh N đã trưởng thành, có công việc ổn định và đã có gia đình riêng, nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Quá trình tố tụng, các đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Lẽ ra, ông T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông T là *"người cao tuổi"* nên được được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 54 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận cho ông Phạm Đình T được ly hôn đối với bà Trần Thị X

Về con, tài sản chung, riêng và nợ: Không có ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Không ai phải chịu.

Ông Phạm Đình T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà ông đã nộp theo Biên lai số 009838, ngày 28/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- *VKSND huyện Vĩnh Thạnh;*
- *Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Võ Bảo Anh